

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **124/2026/HS-ST**

Ngày: 15 - 9 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Việt.
2. Ông Trần Trung Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Na - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Ngọc Đức Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2026, tại Hội trường Đảng ủy xã N, tỉnh Lào Cai xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 101/2026/TLST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2026/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2026 đối với bị cáo:

Sùng A S (tên gọi khác: Không) sinh ngày 13/6/1986, tại xã P, tỉnh Lào Cai; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã P, tỉnh Lào Cai; số định danh cá nhân/CCCD: 015086010945; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng A L (đã chết) và bà Giàng Thị C, sinh năm 1935; Vợ: Hờ Thị C1, sinh năm 1984 (đã ly hôn), con: có 01 con, sinh năm 2013; tiền án: 01 tiền án, Bản án số 39/2006/HSST ngày 26/6/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu và Bản án số 887/2006/HSPT ngày 29/8/2006 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 15 (mười lăm) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 và Bản án số 108/2011/HSPT ngày 26/9/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 15 (mười lăm) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Tổng hợp hình phạt chung của hai bản án là 30 (ba mươi) năm tù chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 18/5/2026, tạm giam ngày 21/5/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh L. *Có mặt.*

- *Người bào chữa cho bị cáo Sùng A S:* Bà Hà Thị L1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. Có mặt.

- *Người phiên dịch:* Ông Lý A D, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn H, xã K, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/5/2026, Giàng A P, sinh năm 1962; địa chỉ thôn H, xã P, tỉnh Lào Cai tự nguyện đến Công an xã L đăng ký điều trị Methadone. Quá trình làm việc, xét nghiệm chất ma túy đối với Giàng A P cho kết quả “Đương tính”, Giàng A P khai nhận trước đó đã mua ma túy của Sùng A S để sử dụng.

Trên cơ sở lời khai của Giàng A P, Công an xã L phối hợp với Công an xã P tiến hành làm việc với Sùng A S, quá trình làm việc Sùng A S không thừa nhận việc bản thân bán ma túy cho Giàng A P. Tuy nhiên, S tự khai nhận vào khoảng 20 giờ ngày 17/5/2026 S có sử dụng một viên ma túy màu hồng bằng hình thức uống. Tổ công tác yêu cầu S còn đồ vật gì liên quan đến ma túy thì tự giác giao nộp, S tự giác lấy trong người ra giao nộp 01 túi nilon màu xanh, có khóa kẹp một đầu, bên trong có 11 viên nén hình tròn dẹt màu hồng và 02 viên nén hình tròn dẹt màu xanh. Su khai nhận các viên nén màu hồng là ma túy của bản thân cất giấu với mục đích để sử dụng, còn hai viên nén màu xanh là các viên chống ảm. Ngoài ra S còn tự giác giao nộp số tiền 2.740.000 đồng. Tổ công tác đã tiến hành bắt người phạm tội quả tang đối với Sùng A S, thu giữ vật chứng để giải quyết theo quy định. Tiến hành khám xét chỗ ở của Sùng A S không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tại cơ quan điều tra Sùng A S khai nhận về nguồn gốc số ma túy bị cáo tự nguyện giao nộp là vào khoảng 16 giờ ngày 17/5/2026 bị cáo đi làm ruộng tại thôn L, xã P, tỉnh Lào Cai, do đang bị đau bụng nên S đã đi bộ đến khu vực bản Ngọc C2 2, xã N, tỉnh Sơn La (cách khu vực thôn Làng Sang, xã P khoảng 02 km) để mua thuốc đau bụng, sau khi mua được thuốc đau bụng tại một hiệu thuốc ở bản N, xã N, S đi bộ về nhà. Trên đường về S có gặp một người đàn ông dân tộc T không quen biết và người này hỏi S “Mua thuốc về làm gì?” Su trả lời “Bị đau bụng”, người đàn ông này nói với S “Uống thuốc này không khỏi đâu, mày lấy cái hồng này mà uống, tao còn 12 viên, tao lấy 120.000 đồng thôi”. S đồng ý và đưa cho người đàn ông này 120.000 đồng thì người này đưa lại cho S một túi nilon màu xanh rồi Su cất giấu ma túy vào người và đi về nhà. Đến khoảng 20 giờ, ngày 17/5/2026 tại nhà ở của mình, S đã lấy ra một viên nén màu hồng để sử dụng bằng hình thức pha với nước rồi uống trực tiếp vào cơ thể. Số ma túy còn lại đang cất giấu trong người, bị cáo đã giao nộp cho cơ quan điều tra thu giữ.

Tại bản Kết luận giám định số 566/KL-KTHS ngày 23/5/2026 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận:

- Các viên nén hình trụ màu hồng có đặc điểm giống nhau, trên bề mặt của mỗi viên đều dập chìm ký tự “WY” thu giữ khi bắt quả tang Sùng A S gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có tổng khối lượng 1,16 gam.

- Các viên nén hình trụ tròn màu xanh có đặc điểm giống nhau, trên bề mặt của mỗi viên đều dập chìm ký tự “A” thu giữ khi bắt quả tang Sùng A S gửi giám định không tìm thấy thành phần chất ma túy, có tổng khối lượng 0,18 gam.

Tại bản Kết luận giám định số 565/KL-KTHS ngày 22/5/2026 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: “04 (bốn) tờ T1 mệnh giá 500.000 đồng; 03 (ba) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng; 01(một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng; 01(một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000 đồng; 02(hai) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng gửi giám định đều là tiền thật, số tiền gửi giám định là 2.740.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 68/CT-VKSLCI-KV ngày 26/8/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai truy tố bị cáo Sùng A S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội và giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38 của Bộ Luật hình sự: Xử phạt bị cáo Sùng A S 04 năm tù đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng, tài sản trong vụ án: Áp dụng các điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 0,95 gam Methamphetamine còn lại sau khi lấy mẫu giám định; 0,09 gam các viên nén hình trụ màu xanh thu giữ của Sùng A S còn lại sau khi trích lấy mẫu giám định; 02 (hai) phong bì đã mở niêm phong; 01 túi nilon màu xanh có khóa kẹp một đầu; Trả lại bị cáo Sùng A S số tiền 2.740.000 đồng (hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng). miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo S theo quy định pháp luật. Tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo theo quy định tại Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất và không tranh luận gì với luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa Người bào chữa cho bị cáo Sùng A S cơ bản nhất trí với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo S và các vấn đề khác trong vụ án. Về mức hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Sùng A S 03 năm 06 tháng tù; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo S không có ý kiến và không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Sùng A S thừa nhận để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, ngày 18/5/2026 tại nhà ở của Sùng A S thuộc thôn P, xã P, tỉnh Lào Cai, Sùng A S đã cất giấu trên người 1,16 gam Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị cơ quan Công an phát hiện, thu giữ. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và vật chứng thu giữ. Bị cáo Sùng A S là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc tàng trữ trái phép chất ma túy để thỏa mãn nhu cầu của bản thân sẽ bị xử lý theo pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do vậy bị cáo Sùng A S đã phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung “ ..., M.... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam; ” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự như bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, xâm hại đến những quy định của Đảng và Nhà nước trong việc sản xuất, quản lý và sử dụng chất ma túy. Bị cáo biết rõ tác hại của ma túy, việc tàng trữ sử dụng chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng để thỏa mãn nhu cầu bản thân đã cố ý thực hiện, do vậy cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Sùng A S đã hai lần bị kết án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 3 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, tổng hợp hình phạt chung của hai bản án là 30 (ba mươi) năm tù, do hành vi phạm tội trước nhưng xét xử sau nên tại Bản án số 108/2011/HSPT ngày 26/9/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La chỉ tổng hợp hình phạt chung của hai bản án không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” đối với bị cáo, đến ngày 25/03/2024 bị cáo chấp hành xong hình phạt trở về địa phương chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự buộc bị cáo phải chịu. Người bào chữa cho bị cáo Sùng A S không đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự là chưa phù hợp, không được chấp nhận.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo S đã khai nhận đầy đủ, rõ ràng. Đây là tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự được áp dụng cho bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo Sùng A S đã nhiều lần bị Tòa án xét xử đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa được xóa án tích, bị cáo vẫn tiếp tục sử dụng ma túy nên cần xác định bị cáo Sùng A S có nhân thân xấu.

Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh tài sản ngày 26/5/2026 và lời khai của bị cáo S tại phiên tòa thể hiện: Sau khi chấp hành xong hình phạt về địa phương, bị cáo chủ yếu làm nông và lao động thời vụ, không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, bản thân không có tài sản riêng có giá trị. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, tịch thu tài sản đối với bị cáo S.

[4] Từ những nhận xét, đánh giá về tính chất, mức độ gây nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù, với mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội đối với bị cáo để tạo điều kiện cho bị cáo tránh xa ma túy, đồng thời góp phần giáo dục người khác ý thức tôn trọng pháp luật và đấu tranh phòng ngừa tội phạm về tệ nạn xã hội. Tại phiên tòa người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Sùng A S là 03 năm 06 tháng tù. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo C3 từ 04 năm tù đến 04 năm 06 tháng tù. Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội đối với bị cáo Sùng A S cho phù hợp.

[5] Về các vấn đề khác trong vụ án.

Về vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

- 1,16 gam Methamphetamine thu giữ của Sùng A S, đã trích 0,21 gam để làm mẫu giám định, còn lại 0,95 gam Methamphetamine là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành cần tịch thu tiêu hủy theo quy định pháp luật;

- 0,18 gam các viên nén hình trụ màu xanh thu giữ của Sùng A S, đã trích 0,09 gam để làm mẫu giám định, còn lại 0,09 gam; 02 (hai) phong bì đã mở niêm phong; 01 túi nilon màu xanh có khóa kẹp một đầu là những vật không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy theo quy định pháp luật.

- Số tiền 2.740.000 đồng thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo Sùng A S, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo Sùng A S.

Theo lời khai của bị cáo Sùng A S thì nguồn gốc ma túy bị cáo có để sử dụng và bị thu giữ là bị cáo mua của người đàn ông dân tộc Thái, bị cáo không quen biết, không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người này, do đó Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xác minh điều tra làm rõ.

Tại cơ quan điều tra Giàng A P khai đã mua ma túy của bị cáo Sùng A S để sử dụng. Bị cáo Sùng A S không thừa nhận việc bán ma túy cho Giàng A P.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành đối chất giữa Sùng A S và Giàng A P, nhưng bị cáo Sùng A S vẫn không thừa nhận việc bán ma túy cho Giàng A P. Ngoài lời khai của Giàng A P không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bị cáo Sùng A S bán ma túy cho Giàng A P. Do đó Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý đối với Sùng A S về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 12/10/2025 của Giàng A P và Sùng A S, quá trình điều tra xác định Giàng A P, Sùng A S không cấu thành tội phạm quy định tại Điều 256a Bộ luật hình sự, Công an xã L, tỉnh Lào Cai đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bị cáo Sùng A S là người bị kết án thuộc trường hợp phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên do gia đình bị cáo Sùng A S là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo S.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Sùng A S (tên gọi khác: Không) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Sùng A S **04 (bốn)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 18/5/2026.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Áp dụng các điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 0,95 gam Methamphetamine còn lại sau khi lấy mẫu giám định; 0,09 gam các viên nén hình trụ màu xanh thu giữ của Sùng A S còn lại sau khi trích lấy mẫu giám định; 02 (hai) phong bì đã mở niêm phong; 01 túi nilon màu xanh có khóa kẹp một đầu.

(Hiện đang lưu giữ, bảo quản theo quy định tại kho vật chứng và tài liệu, đồ vật thuộc Phân trại tạm giam Văn Chấn, Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh L)

- Trả lại bị cáo Sùng A S số tiền 2.740.000 đồng (hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

(Hiện đang được lưu giữ, bảo quản theo quy định tại PGD số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực IX)

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Sùng A S.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo Sùng A S có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- CSĐT Công an tỉnh Lào Cai;
- Phòng HSNV, THAHS Công an tỉnh Lào Cai;
- Hải Quan tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 4 - Lào Cai;
- Trại tạm giam;
- Phòng THADS khu vực 4 - Lào Cai;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã Púng Luông;
- Công an xã Lao Chải;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Ngọc Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

